

Số: 245/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải
thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết
định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đợt 2, năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc
hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5
năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-
CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi
tiết thi hành Luật Đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày
15 tháng 7 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng
12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành
Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng
đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng,
đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2019/TT-
BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản
quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ Tài
nguyên và Môi trường; số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 quy
định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2021/TT-*

BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải trình và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận bổ sung thêm vào danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 1, năm 2022; Báo cáo số 204/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc chấp thuận bổ sung thêm danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2022; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 2, năm 2022, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận thu hồi đất của 80 công trình, dự án để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng, với diện tích 320,9872 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 1 kèm theo)

2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa để thực hiện 10 công trình, dự án với diện tích 14,5042 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 2 kèm theo)

3. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của 05 công trình, dự án, với diện tích rừng sản xuất phải chuyển mục đích sử dụng là 64,32 ha.

(Chi tiết có Phụ lục số 3 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng đất có hiệu quả.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông Vận tải;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

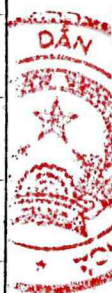
Phu lục số 1:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHẤP THUẬN THU HỒI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÓT 2, NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Cấp huyện
	Tổng cộng:	320,9872			
I	Công trình, dự án khu dân cư đô thị	20,179			
		4,006	ODT		
1	Khu dân cư Hồ Thanh Niên	0,4728	TMD	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
		9,3839	DKV		
		6,3163	DGT		
II	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn	13,9			
1	Khu dân cư thôn Đồng Quan	2,0	ONT	Xã Hoàng Giang	Huyện Nông Cống
2	Khu dân cư thôn Thanh Liêm	2,0	ONT	Xã Hoàng Sơn	Huyện Nông Cống
3	Khu dân cư thôn Thanh Ban, thôn Đồng Thọ, xã Vạn Hòa (Giai đoạn 1)	2,0	ONT	Xã Vạn Hòa	Huyện Nông Cống
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và tái định cư phục vụ các dự án của Tập đoàn BRG làm chủ đầu tư và các dự án của huyện tại xã Quảng Nham, Quảng Thạch	2,99	ONT	Xã Quảng Nham	Huyện Quảng Xương
		4,34	DGT		
		0,57	DKV		
III	Công trình, dự án giao thông	108,2741			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ xã Yên Trung đi xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	0,09	DGT	Yên Trung, Yên Thọ	Huyện Yên Định
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông từ Km39+420/ĐT.516B đi đê tả sông Cầu Chày (thôn Đa Ngọc, xã Yên Phú), huyện Yên Định	0,14	DGT	Xã Yên Phú	Huyện Yên Định
3	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Đông An từ Quốc lộ 1A đi xã Hoàng Hợp, huyện Hoằng Hóa	0,33	DGT	Xã Hoàng Hợp	Huyện Hoằng Hóa
4	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Hoằng Kim - Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa	18,8	DGT	Hoằng Kim, Hoằng Phú, Hoằng Hợp, Hoằng Quý	Huyện Hoằng Hóa
5	Mở rộng đường giao thông vào khu nghĩa địa thuộc xứ đồng Ao Làng thôn Khang Bình	0,2	DGT	Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
6	Mở rộng đường giao thông vào khu nghĩa địa thuộc xứ đồng Lăng Trong thôn Yên Vực	0,2	DGT	Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
7	Mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đến Trung tâm Hành chính - Văn hóa xã Quảng Chính	0,54	DGT	Xã Quảng Chính	Huyện Quảng Xương
8	Đường giao thông Quảng Định - Quảng Lưu, huyện Quảng Xương	38,7	DGT	Quảng Định, Quảng Đức, Quảng Lưu, Quảng Nhân	Huyện Quảng Xương
9	Bến hỗn hợp phía Bắc thành phố Sầm Sơn	3,8	DGT	Phường Quảng Châu	Thành phố Sầm Sơn
10	Cải tạo và nâng cấp đường Trần Bình Trọng phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn	0,05	DGT	Phường Quảng Tiến	Thành phố Sầm Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Cấp huyện
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu phố Khang Thái, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn	0,656	DGT	Phường Quảng Thọ	Thành phố Sầm Sơn
12	Cải tạo, mở rộng nút giao đường Nguyễn Du - Lê Thánh Tông, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn	0,0175	DGT	Phường Bắc Sơn, Phường Trung Sơn	Thành phố Sầm Sơn
13	Nút giao đường Phạm Hồng Thái với đường nội bộ trong khu dân cư Nam chợ Cột Đỏ, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn	0,061	DGT	Phường Trường Sơn	Thành phố Sầm Sơn
14	Nâng cấp mở rộng đường giao thông kết nối từ đường Bà Triệu tiểu khu Thái Hòa đi tuyến đê tả sông Yên tiểu khu Vũ Yên, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công	1,75	DGT	Thị trấn Nông Công	Huyện Nông Công
15	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tiểu khu Tập Cát, tiểu khu Lê Xá 1, tiểu khu Vũ Yên, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công	1,76	DGT	Thị trấn Nông Công	Huyện Nông Công
16	Tuyến đường Đông Tây 1 và Bắc Nam 2 thuộc quy hoạch khu hành chính mới của huyện	1,12	DGT	Thị trấn Nông Công	Huyện Nông Công
17	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ngã ba Bát Nộ, xã Trường Trung đi xã Trường giang	0,24	DTL	Trường Giang, Trường Trung	Huyện Nông Công
18	Đường cứu hộ, cứu nạn đê hữu sông Hoạt, xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn	1,5	DGT	Xã Nga Thắng	Huyện Nga Sơn
19	Đường giao thông vào khu trang trại xã Vĩnh Hòa	0,14	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
20	Đường giao thông từ thôn Lợi Cháp đi quốc lộ 217	0,36	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
21	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi thôn Nghĩa Kỳ (đoạn Núi Mọn từ Trạm điện đến công sở xã Vĩnh Hòa)	0,26	DGT	Xã Vĩnh Hòa	Huyện Vĩnh lộc
22	Chỉnh trang đô thị Ngọc Lặc (Hạng mục 04 tuyến đường giao thông)	5,45	DGT	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
23	Đường giao thông từ trung tâm xã Cầu Lộc đến đường ĐH.02 (đường Mỹ - Đồng), huyện Hậu Lộc	0,6	DGT	Xã Thành Lộc, Cầu Lộc	Huyện Hậu Lộc
24	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ khu tái định cư đi đến đường 522B	0,89	DGT	Xã Hà Lĩnh	Huyện Hà Trung
25	Đường QL 217B đi tỉnh lộ 522B tránh khu di tích Lăng miếu Triệu Tường	0,25	DGT	Xã Hà Long	Huyện Hà Trung
26	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương huyện Hà Trung	6,342	DGT	Xã Hà Tân, xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
27	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	4,45	DGT	Thị trấn Hà Trung, xã Hà Bình, Yên Dương, Hoạt Giang	Huyện Hà Trung
28	Đường giao thông từ khu đô thị Gũ xã Lĩnh Toại đi cầu Báo Văn xã Hà Hải, huyện Hà Trung	0,195	DGT	Xã Lĩnh Toại, xã Hà Hải	Huyện Hà Trung

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Cấp huyện
29	Tuyến đường gom khu dân cư mới phía Tây đường sắt xã Yên Dương, huyện Hà Trung	1,8826	DGT	Xã Yên Dương	Huyện Hà Trung
30	Đường giao thông từ cầu Thắng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A xã Quảng Bình	2,0	DGT	xã Quảng Bình, xã Quảng Ngọc	Huyện Quảng Xương
31	Mở rộng đường giao thông từ Trạm Y tế đi công làng thôn Thái Khang	0,2	DGT	Xã Thiệu Hòa	Huyện Thiệu Hoá
32	Mở rộng đường giao thông từ hộ anh Hải (Lan) thôn Dân Ái đi UBND xã, từ UBND xã đi thôn Dân Hòa	0,3	DGT	Xã Thiệu Hòa	Huyện Thiệu Hoá
33	Đường giao thông nội bộ trục Đông Tây và nạo vét sông Voi, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2: Đoạn từ làng Nhân Sơn đi sân đền	15,0	DDT	Xã Nga Phú	Huyện Nga Sơn
IV	Công trình, dự án thủy lợi	34,42			
1	Kênh tưới xã Yên Trung - Yên Tâm, huyện Yên Định	0,32	DTL	Yên Trung, Yên Tâm	Huyện Yên Định
2	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đập Rọc Phường, xã Công Chính	1,07	DTL	Xã Công Chính	Huyện Nông Cống
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê hữu sông Nhơ đoạn K20+920 - K24+100 huyện Nông Cống	1,3	DTL	Xã Tế Lợi	Huyện Nông Cống
4	Nâng cấp hồ Đồng Đông, xã Công Liêm	1,03	DTL	Xã Công Liêm	Huyện Nông Cống
5	Chỉnh trang đô thị Ngọc Lặc (Hạng mục Kè sông Cầu Chày)	18,98	DTL	Thị trấn Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
6	Xây dựng mới Trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Quang	11,72	DTL	Xã Vĩnh Quang, Vĩnh Yên	Huyện Vĩnh Lộc
V	Công trình, dự án cụm công nghiệp	115,85			
1	Cụm Công nghiệp Vạn Thắng- Yên Thọ thuộc huyện Nông Cống và huyện Như Thanh	0,41	SKN	Xã Yên Thọ	Huyện Như Thanh
2	Cụm công nghiệp Cầu Quan	55,3	SKN	Xã Trung Chính, xã Hoàng Sơn	Huyện Nông Cống
3	Cụm Công nghiệp Quảng Yên, huyện Quảng Xương	60	SKN	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
4	Cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà (bổ sung)	0,14	SKN	Xã Thiệu Phú	Huyện Thiệu Hoá
VI	Công trình, dự án cơ sở thể dục, thể thao	2,7213			
1	Dự án sân thể thao thôn Trạch Khang	0,4	DTT	Xã Xuân Khang	Huyện Như Thanh
2	Cải tạo nâng cấp Sân vận động xã Phụng Nghi	0,387	DTT	Xã Phụng Nghi	Huyện Như Thanh
3	Sân vận động xã Vĩnh An	1,0909	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
4	Khu thể thao thôn 3, xã Vĩnh An	0,2834	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc
5	Khu thể thao thôn 9 xã Vĩnh An	0,35	DTT	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh lộc



TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Cấp huyện
6	Sân thể thao thôn Xuân Tiên	0,21	DDT	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn
VII	Công trình, dự án văn hóa	1,0991			
1	Xây dựng đài tưởng niệm xã Thăng Bình	0,1	DVH	Xã Thăng Bình	Huyện Nông Cống
2	Nhà văn hóa tiểu khu Nam Giang	0,3	DVH	Thị trấn Nông Cống Nông Cống	Huyện Nông Cống
3	Xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Vĩnh Long	0,1237	DVH	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh lộc
4	Nhà Văn hóa thôn Đông Môn, xã Vĩnh Long	0,2354	DVH	Xã Vĩnh Long	Huyện Vĩnh lộc
5	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Vĩnh Phúc	0,09	DVH	Xã Vĩnh Phúc	Huyện Vĩnh lộc
6	Nhà văn hoá thôn Xuân Tiên	0,25	DVH	Xã Dân Lực	Huyện Triệu Sơn
VIII	Công trình, dự án cơ sở y tế	1,3			
1	Trạm y tế xã Ninh Khang	0,3	DYT	Xã Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
2	Xây dựng trạm y tế thị trấn Hậu Lộc	1,0	DYT	Thị trấn Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc
IX	Công trình, dự án giáo dục và đào tạo	6,1948			
1	Xây dựng Trường Mầm non Quảng Hải	0,84	DGD	Xã Quảng Hải	Huyện Quảng Xương
2	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định	1,5	DGD	Thị trấn Quý Lộc	Huyện Yên Định
3	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Khang	0,71	DGD	Ninh Khang	Huyện Vĩnh lộc
4	Trường mầm non Vĩnh Hưng	1,5	DGD	Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh lộc
5	Mở rộng trường Mầm non Vĩnh Minh xã Minh Tân	0,1988	DGD	Minh Tân	Huyện Vĩnh lộc
6	Mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học khu trung tâm tại thôn Cầu- xã Bãi Trành	1,119	DGD	Xã Bãi Trành	Huyện Như Xuân
7	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Thanh Xuân	0,257	DGD	Xã Thanh Xuân	Huyện Như Xuân
8	Mở rộng trường Trung học cơ sở xã Phùng Giáo	0,07	DGD	Xã Phùng Giáo	Huyện Ngọc Lặc
X	Công trình, dự án di tích lịch sử - văn hoá	4,1039			
1	Bảo tồn, tôn tạo đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình, huyện Nga Sơn (hạng mục xây dựng quảng trường và các hạng mục phụ trợ khác)	4,0	DDT	Xã Ba Đình	Huyện Nga Sơn
2	Mở rộng, tôn tạo di tích lịch sử Nghinh môn thời Lý xã Hoa Lộc	0,1039	DDT	Xã Hoa Lộc	Huyện Hậu Lộc
XI	Công trình, dự án xử lý chất thải	9,995			
1	Nhà máy xử lý nước thải tập trung thành phố Sầm Sơn (Giai đoạn 1)	5,0	DRA	Phường Quảng Châu	TP Sầm Sơn
2	Bãi đổ thải đường ven biển và đường Long Sơn	4,995	DRA	Xã Nga Tân	Huyện Nga Sơn

TT	Hạng mục	Diện tích cần thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Cấp huyện
XII	Công trình, dự án nghĩa trang, nghĩa địa	2,95			
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Khang Bình	0,5	NTD	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Yên Vực	0,5	NTD	Xã Quảng Yên	Huyện Quảng Xương
3	Nghĩa địa thôn Trung Thành	0,55	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
4	Nghĩa địa thôn Thanh Lãng	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
5	Nghĩa địa thôn Phương Phú	0,4	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn
6	Nghĩa địa thôn Hậu Trạch	0,6	NTD	Xã Nga Thạch	Huyện Nga Sơn



Phụ lục số 2:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 2, NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Được chuyển mục đích từ các loại đất (ha)	
						Lúa	Các loại đất còn lại
	Tổng cộng				17,3101	14,5042	2,8059
I	Công trình, dự án khu dân cư nông thôn				11,6547	10,1968	1,4579
1	Đầu giá khu dân cư thôn Vân Hoà	UBND xã Cát Vân	Xã Cát Vân	Huyện Như Xuân	0,1662	0,1662	
2	Đầu giá khu dân cư thôn Cát Xuân	UBND xã Cát Tân	Xã Cát Tân	Huyện Như Xuân	0,5909	0,5909	
3	Đầu giá khu dân cư thôn Cát Lợi	UBND xã Cát Tân	Xã Cát Tân	Huyện Như Xuân	0,6418	0,5949	0,0469
4	Điểm dân cư Đồng Trỏ Đồng Ngang thôn 1, thôn 2	UBND huyện Đông Sơn	Xã Đông Minh	Huyện Đông Sơn	9,6	8,8276	0,7724
5	Đầu giá khu dân cư thôn Thanh Xuân	UBND xã Hoá Quý	Xã Hoá Quý	Huyện Như Xuân	0,6558	0,0172	0,6386
II	Công trình, dự án giao thông				1,22	1,21	0,01
1	Đường giao thông trong dự án Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Triệu Sơn	Xã Minh Sơn, thị trấn Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn	1,22	1,21	0,01
III	Công trình, dự án chợ				0,3574	0,3574	
1	Dự án xây dựng mới chợ Giao Thiện	UBND xã Giao Thiện	Xã Giao Thiện	Huyện Lang Chánh	0,3574	0,3574	
IV	Công trình, dự án sản xuất phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và sản xuất chế biến nông lâm, thủy, hải sản tập trung				4,078	2,740	1,338
1	Xưởng sản xuất kinh doanh giày da, may mặc gia công tổng hợp	Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Thịnh Phát	Xã Nga Yên	Huyện Nga Sơn	2,059	1,66	0,399
2	Nhà máy sản xuất bao bì carton	Công ty TNHH Giấy bao bì Thanh Sơn	Xã Yên Thái	Huyện Yên Định	1,223	0,39	0,833
3	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ	Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại Hoàng Minh Vũ	Phường Đông Tân	Thành phố Thanh Hóa	0,796	0,69	0,106

Phụ lục số 3:**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 2, NĂM 2022**

*Kèm theo Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)	Đối tượng rừng (ha)		
						RSX	RPH	RĐD
	Tổng cộng				64,32	64,32		
1	Nhà máy sản xuất nước trái cây tại xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Xã Ngọc Liên	Huyện Ngọc Lặc	5,61	5,61		
2	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Xã Minh Tiến, Nguyệt Ấn	Huyện Ngọc Lặc	20,97	20,97		
3	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	Công ty cổ phần Xuân Thiện Thanh Hóa 3	Xã Minh Tiến, Nguyệt Ấn	Huyện Ngọc Lặc	32,35	32,35		
4	Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Côn Sơn.	Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Thịnh Phát	Xã Vĩnh An	Huyện Vĩnh Lộc	4,7	4,7		
5	Bến xe khách và khu thương mại dịch vụ tổng hợp Thiên Phú	Công ty TNHH Xây dựng và khai thác khoáng sản Thiên Phú	Thị trấn Bến Sung	Huyện Như Thanh	0,69	0,69		